

XÂY DỰNG THỂ CHẾ CHUẨN THỊ TRƯỜNG GIÁO DỤC SAU KHI NƯỚC TA GIA NHẬP WTO

● **TSKH. PHẠM ĐỒ NHẬT TIẾN**
Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Khái niệm chuẩn thị trường (quasi-market)*

Cuối những năm 1980, cải cách giáo dục ở nhiều nước trên thế giới (như Anh, Úc, Niu Dillân, Mĩ, Thụy Điển, Chilê, Nam Phi) cùng mang một đặc trưng cơ bản là xu hướng thị trường hoá. Cơ chế cạnh tranh được đưa vào trong hệ thống giáo dục xuất phát từ quan điểm "kỉ luật thị trường" là biện pháp hữu hiệu nhất để buộc nhà trường nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học. Việc thực hiện có những khác biệt từ nước này sang nước khác. Tuy nhiên, trước tình trạng trì trệ của giáo dục công lập trong việc đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của người học, các biện pháp đổi mới được đưa vào theo nguyên tắc chung là hướng tới người tiêu dùng. Thay vì cấp ngân sách cho nhà trường, phụ huynh được nhận chi phiếu để tự do lựa chọn trường học cho con em. Thay vì bổ nhiệm bộ máy quản lí, các doanh nghiệp được phép kí hợp đồng với cấp có thẩm quyền để điều hành trường công lập, nâng cao hiệu quả - chi phí. Trường học cũng trở thành nơi tiếp thị, quảng cáo của các công ty: nếu bảo đảm rằng học sinh nghe, nhìn hoặc đọc quảng cáo của công ty thì nhà trường sẽ được nhận các trang thiết bị cho lớp học, đồ dùng cho học sinh hoặc các lợi ích vật chất khác. Các nhà cung ứng giáo dục công lập và tư thực, vì lợi nhuận và không vì lợi nhuận, tham gia mạnh mẽ trong việc khai thác thị trường giáo dục với đủ loại hình như đại học ảo, đại học mở, tập đoàn, côngxooxiom...

Tuy nhiên, giáo dục là một quyền cơ bản của con người. Bất kì nước nào cũng quy định trong Hiến pháp rằng việc chăm lo giáo dục thế hệ trẻ là trách nhiệm của Nhà nước, rằng giáo dục phổ cập là cưỡng bức dù các em hoặc cha mẹ các em có muốn hay không. Vì vậy, thị trường giáo dục khác về bản chất với thị trường

hàng hoá hoặc thị trường trong các lĩnh vực dịch vụ khác. Điểm khác biệt cơ bản là ở chỗ trong thị trường giáo dục, bên cạnh cơ chế cạnh tranh và các nhà cung ứng giáo dục tư nhân, Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong cung ứng giáo dục.

Điều đó dẫn đến những đặc trưng riêng của thị trường giáo dục. Về phía cung, các nhà cung ứng giáo dục phải tuân theo các điều kiện nghiêm ngặt để được gia nhập thị trường và chịu sự giám sát chặt chẽ của Nhà nước trong quá trình thực hiện. Về phía cầu, khách hàng-người học không được quyền mua sản phẩm theo ý muốn mà chỉ những sản phẩm đáp ứng các yêu cầu xác định về chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ.

Một thị trường như vậy không phải là thị trường theo nghĩa truyền thống. Nó chỉ gần đúng là một thị trường. Các tác giả Le Grand và Barlett gọi đó là chuẩn thị trường(1).

Có thể quan niệm chuẩn thị trường giáo dục như một mô hình nằm giữa hai cực: một cực là mô hình độc quyền nhà nước, cực kia là mô hình thị trường tự do. Trong mô hình độc quyền nhà nước, như ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và Cuba ngày nay, nhà nước là người cung ứng giáo dục duy nhất. Nếu ngoài nhà nước, còn có các nhà cung ứng giáo dục tư nhân, nhưng cơ chế cạnh tranh không được thiết lập, thì mô hình này được gọi là chuẩn độc quyền (quasi-monopoly)(2). Khi cơ chế cạnh tranh được đưa vào thì mô hình chuyển từ chuẩn độc quyền sang chuẩn thị trường.

Đại bộ phận các hệ thống giáo dục hiện nay trên thế giới, với mức độ khác nhau theo từng nước, nằm ở mô hình này hoặc mô hình khác - chuẩn độc quyền hoặc chuẩn thị trường.

2. Giáo dục Việt Nam trước và sau WTO

Tiến trình đổi mới giáo dục Việt Nam trong hai mươi năm qua mang hai đặc trưng chủ yếu sau đây: 1/ Chuyển từ giáo dục phục vụ kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang giáo dục vận hành trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 2/ Chuyển từ giáo dục khép kín sang giáo dục mở cửa, chủ động hội nhập quốc tế.

(*) Chữ "chuẩn" trong thị trường có nghĩa là "gần đúng". Đó không phải là chữ "chuẩn" trong từ chuẩn xác, chuẩn mực. Để tránh hiểu lầm, có lẽ nên dịch quasi-market là "tựa thị trường" thay vì "chuẩn thị trường".

Vi vậy, tổ chức và hoạt động giáo dục đã có sự thay đổi căn bản, hướng tới sự đa dạng hoá, chuẩn hoá, hiện đại hoá và xã hội hoá. Giáo dục không còn bó hẹp trong việc thoả mãn nhu cầu của các cơ quan và doanh nghiệp nhà nước mà phải đáp ứng nhu cầu rộng rãi của các thành phần kinh tế khác và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục không giới hạn nhiệm vụ đào tạo theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước mà còn theo những đơn đặt hàng khác, những xu thế dự báo, những nhu cầu học tập từ nhiều phía trong xã hội. Từ đó, giáo dục không chỉ dựa vào ngân sách nhà nước mà còn dựa vào các nguồn lực khác có thể huy động được. Nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo trong việc cung ứng giáo dục, nhưng sự bao cấp toàn bộ trước đây đã được thay thế bằng cơ chế chia sẻ chi phí với việc đóng góp bằng học phí của người học. Các nhà cung ứng mới trong giáo dục cũng đã xuất hiện: đó là các tổ chức, cá nhân đứng ra thành lập các trường bán công, dân lập, tư thục.

Việt Nam cũng đã có những bước đi chủ động trong hội nhập giáo dục, tiếp nhận giáo dục xuyên biên giới theo cả hai cơ chế: không lợi nhuận và có lợi nhuận. Trong bốn phương thức cung ứng dịch vụ giáo dục theo quy định của GATS, giáo dục nước ta hiện đã mở cửa cho cả bốn phương thức: cung ứng xuyên biên giới, tiêu thụ ngoài nước, hiện diện thương mại và hiện diện cá nhân. Chúng ta cũng đã xây dựng được về cơ bản khung pháp lí cho phương thức hiện diện thương mại theo cả hai cơ chế không lợi nhuận và có lợi nhuận. Bên cạnh một số vấn đề nảy sinh liên quan chủ yếu đến công tác quản lí các cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam và quản lí lưu học sinh, thành công nổi bật là tạo được sự đóng góp đáng kể của các phương thức cung ứng đó cho sự phát triển của giáo dục Việt Nam.

Như vậy, trong 20 năm đổi mới, giáo dục Việt Nam đã chuyển từ mô hình độc quyền Nhà nước sang mô hình chuẩn độc quyền với sự tham gia tích cực của các nhà cung ứng giáo dục ngoài công lập trong nước và ngoài nước. Tình thế cạnh tranh chưa được thiết lập trong khu vực giáo dục công lập. Nó cũng không được khuyến khích và không xuất hiện như nhau ở các cấp học và trình độ đào tạo của giáo dục ngoài công lập. Đối với giáo dục trung học phổ thông và giáo dục đại học, về cơ bản chưa có cạnh tranh do cung không đáp ứng cầu; các cơ sở giáo dục ngoài công lập chỉ có tác dụng tạo thêm cơ hội

cho người học trong việc tiếp tục học lên. Ở các cấp học còn lại, đặc biệt đối với giáo dục phổ cập (tiểu học và trung học cơ sở), đã dần dần hình thành tình thế người học được lựa chọn trường học, vì vậy đã có sự cạnh tranh rõ nét giữa các trường ngoài công lập trong việc thu hút người học. Như vậy, có thể nói, trước khi vào WTO, trong bối cảnh chung của chuẩn độc quyền giáo dục Việt Nam, đã có sự hình thành chuẩn thị trường giáo dục ở một số cấp học, tập trung chủ yếu ở khu vực thành thị.

Với tư cách là nước đi sau trong việc gia nhập WTO, Việt Nam phải chịu sức ép lớn hơn về cam kết trong lĩnh vực giáo dục. Trên thực tế, khi đưa ra bản chào dịch vụ đa phương, mức cam kết của Việt Nam về dịch vụ giáo dục là khá sâu và rộng, về cơ bản không khác nhiều so với Hiệp định thương mại song phương BTA đã kí với Hoa Kỳ. Theo đó, ta mở cửa đối với hầu hết các lĩnh vực khoa học tự nhiên và kĩ thuật, nghiên cứu và quản lí doanh nghiệp, kinh tế, kế toán, ngôn ngữ và luật quốc tế. Tuy nhiên, việc mở cửa là khác nhau giữa các cấp học và các phương thức cung ứng giáo dục. Giáo dục tiểu học không có cam kết gì. Giáo dục trung học chỉ có cam kết "không hạn chế" đối với phương thức tiêu thụ ngoài nước. Đối với giáo dục đại học, giáo dục người lớn và các dịch vụ giáo dục khác, chúng ta chưa cam kết về phương thức 1 (cung ứng xuyên biên giới), cam kết "không hạn chế" với phương thức 2 (tiêu thụ ngoài nước) và phương thức 3 (hiện diện thương mại), chưa cam kết, trừ các cam kết chung, với phương thức 4 (hiện diện thể nhân)(3).

Rồi đây, Việt Nam sẽ phải tiếp tục tham gia đàm phán ở góc độ kĩ thuật về việc mở cửa dịch vụ giáo dục trong khuôn khổ vòng đàm phán Đoha. Căn cứ vào các quy định về tuân tự tự do hoá trong phần IV của GATS, do nước ta đang phát triển ở trình độ thấp rất cần thời gian chuẩn bị chu đáo trước khi thực hiện các cam kết, vấn đề cần làm rõ là mở cửa theo lộ trình nào và với những điều kiện gì.

Trước hết, về nguyên tắc, cũng giống như nhiều nước khác, Việt Nam cần chính thức khẳng định giáo dục công lập không thuộc phạm vi điều chỉnh của GATS. Việc mở cửa sẽ chỉ thực hiện trong khu vực giáo dục tư thục. Như vậy giáo dục Việt Nam sẽ tiếp tục tiến trình quốc tế hoá theo cả hai lô-gic phi thương mại và thương mại. Theo lô-gic phi thương mại, giáo dục đại



học Việt Nam sẽ đẩy mạnh và phát huy lợi thế đã có của hợp tác quốc tế, hội nhập sâu vào giáo dục đại học thế giới trong khuôn khổ của một không gian giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học thế giới theo định hướng của UNESCO. Theo lô-gic thương mại, khu vực tư thực (trong giáo dục đại học, giáo dục người lớn và các dịch vụ giáo dục khác) sẽ được mở ra để chào đón các nhà đầu tư nước ngoài. Đó là điều mà chúng ta đã làm trước khi có GATS. Sự khác biệt khi tham gia GATS là phải tính đến những rủi ro có thể nảy sinh khi phải tuân thủ các quy định của GATS, trong đó đáng quan tâm là quy tắc tối huệ quốc và quy tắc đối xử quốc gia.

Việc khai thác cơ hội nhằm tối đa hoá lợi ích và giảm thiểu rủi ro khi tham gia GATS phụ thuộc vào hiệu lực bộ máy, năng lực quản lí và tiềm lực của hệ thống giáo dục quốc dân. Tuy nhiên cả hiệu lực bộ máy, năng lực quản lí và tiềm lực hệ thống của giáo dục nước ta đều còn có nhiều yếu kém, chưa đảm bảo để giáo dục Việt Nam mở cửa thành công trong khuôn khổ của GATS. Các yếu kém này đều đã được phân tích nhiều trong các báo cáo của ngành giáo dục và việc khắc phục chúng đang là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài để mở đường cho giáo dục nước ta phát triển nhanh và bền vững.

Vì vậy, Việt Nam cần một giai đoạn chủ động chuẩn bị từ nay đến 2010, sau đó sẽ là tích cực thực thi những cam kết về GATS.

Giai đoạn chuẩn bị nhằm rà soát, hoàn thiện về luật pháp, chính sách và con người để nâng cao hiệu lực bộ máy, năng lực quản lí và tiềm lực hệ thống, đảm bảo thành công khi mở cửa. Đây cũng là giai đoạn làm rõ các đặc trưng cần thiết của chuẩn thị trường giáo dục ở Việt Nam, việc thiết lập cơ chế cạnh tranh trong khu vực giáo dục công lập, quan hệ đối tác hợp tác/cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục trong nước với cơ sở giáo dục nước ngoài, sự can thiệp của nhà nước để phát huy mặt tích cực của thị trường, giảm thiểu mặt tiêu cực, bảo đảm yêu cầu công bằng xã hội trong giáo dục.

Cần chú ý rằng thị trường giáo dục, đặc biệt là thị trường giáo dục đại học Việt Nam được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá là một thị trường giàu tiềm năng do hệ thống các trường đại học Việt Nam hiện nay, cũng như trong trung hạn, hoàn toàn không có đủ khả năng để đáp ứng yêu cầu đại chúng hoá và nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo tinh thần của NQ14/2005.

Ngoài các nhà cung ứng giáo dục nước ngoài tại Mỹ, Anh, Úc, Niu Dilân, Nhật, Pháp, Hà Lan v.v... đang có nhu cầu lớn về xuất khẩu giáo dục, cũng cần tính đến một số nước trong khu vực như Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia, Xingapo, Thái Lan chắc sẽ không bỏ lỡ cơ hội đầu tư vào giáo dục Việt Nam. Theo xu thế hiện nay, việc đầu tư xây dựng trường mới sẽ không có nhiều, nhưng các cơ sở liên kết chắc chắn sẽ phát triển rất sôi động. Vì vậy, sau khi thực hiện cam kết về GATS như nêu trên, bức tranh giáo dục Việt Nam sẽ có biến động mạnh mẽ ở khu vực tư thực với sự ra đời của khá nhiều cơ sở giáo dục nước ngoài, chủ yếu là các cơ sở giáo dục liên kết. Cuộc diện cạnh tranh sẽ hình thành và phát triển do người học có nhiều cơ hội hơn trong việc lựa chọn trường học. Thị trường giáo dục sẽ chuyển từ tự phát sang tự giác với sự định hướng mạnh mẽ của nhà nước để bảo đảm đó là một chuẩn thị trường.

3. Các đánh giá khác nhau về chuẩn thị trường giáo dục

Về phương diện lí luận, việc đánh giá chuẩn thị trường giáo dục được chia làm hai phái. Phái ủng hộ cho rằng cơ chế cạnh tranh, dựa trên quyền tự do lựa chọn trường học của người học, chắc chắn sẽ nâng cao hiệu quả sử dụng của đồng tiền, buộc nhà trường năng động hơn trong tổ chức và hoạt động giáo dục, kết quả là người học sẽ hưởng thụ một quá trình dạy và học có chất lượng hơn và hiệu quả hơn. Phái phản đối lên án việc đưa cơ chế cạnh tranh vào trong nhà trường vì những hệ quả không lường trước được như việc đánh mất các giá trị truyền thống của giáo dục, sự buông lỏng vai trò và trách nhiệm của Nhà nước trong cung ứng giáo dục và nguy cơ mất công bằng xã hội nhiều hơn trong giáo dục.

Để phân biệt đúng sai trong các lập luận trên, việc nghiên cứu khoa học chuẩn thị trường giáo dục ở các nước là cần thiết. Theo hướng đó, các nghiên cứu thống kê và điều tra xã hội học đã được tiến hành mạnh mẽ từ hơn một chục năm nay. Điều đáng nói là các kết quả nghiên cứu cũng phân kì.

Các tác giả J.Tooley, P.Dixon và J. Stanfield đã tiến hành khảo sát công phu các giải pháp thị trường ở hầu hết các nước có chuẩn thị trường giáo dục và đi đến kết luận rằng: "Bằng chứng ở khắp nơi trên thế giới cho thấy cách tiếp cận thị trường đáp ứng cả ba nguyên



tắc cơ bản (của bất kì cuộc cải cách giáo dục nào. Đó là nâng cao chuẩn mực giáo dục, tăng cường cơ hội cho mọi người, thúc đẩy các khía cạnh tốt đẹp của sự lựa chọn, tính đa dạng và cách tân trong giáo dục). Thực vậy, trên cơ sở của bằng chứng, chúng ta có thể nói rằng:

* Cách tiếp cận thị trường nâng cao chuẩn mực giáo dục, tốt hơn cách tiếp cận phi thị trường và thường với chi phí thấp hơn.

* Cách tiếp cận thị trường đảm bảo công bằng hơn, tạo điều kiện cho bộ phận thiệt thòi nhất trong xã hội có nhiều cơ hội và dễ tiếp cận giáo dục hơn so với các giải pháp phi thị trường.

* Cách tiếp cận thị trường đảm bảo sự lựa chọn, tính đa dạng và cách tân, đồng thời tăng đầu tư cho giáo dục tốt hơn so với cách tiếp cận phi thị trường".

Trong khi đó, tổ chức Oxford Studies in Comparative Education lại công bố những kết quả trái ngược trong cuốn khảo cứu "Chọn trường và chuẩn thị trường". Đó là tập hợp các bài viết của các học giả có kinh nghiệm nghiên cứu về chuẩn thị trường tại nhiều nước khác nhau (Hà Lan, Thụy Điển, Anh, Pháp, Đức, Mĩ, Úc, Niu Dilân). Các tác giả đã tập trung phân tích sự phát triển và tác động của chuẩn thị trường giáo dục trong bối cảnh cụ thể của từng nước. Trong bức tranh đa dạng đó, có thể rút ra một nhận xét chung là: "Mục tiêu nhà nước trong cải cách trường học thường được phát biểu là nâng cao chất lượng giáo dục ở mọi trường thuộc khu vực công lập, nhưng ít có bằng chứng cho thấy điều đó đã xảy ra. Thực vậy, không đủ bằng chứng để nói rằng cạnh tranh sẽ làm cho nhà trường tốt hơn. Trái lại, có nhiều bằng chứng là chuẩn thị trường trong các trường học đang dẫn đến sự mất công bằng nhiều hơn giữa các nhà trường và tạo phân cực rộng hơn giữa các nhóm cư dân và tầng lớp xã hội khác nhau trong từng nước. Trong nhiều trường hợp, chuẩn thị trường dường như là để che dấu ý đồ cắt giảm chi phí công trong giáo dục và mở đường cho tiến trình từng bước tư nhân hoá. Nếu một ý đồ như vậy được phép trở thành hiện thực thì các hậu quả xã hội không thể nào lường hết"(5)

Giữa hai kết quả nghiên cứu trái ngược đó, lại có một dòng nghiên cứu thứ ba chỉ ra rằng nếu tính đến tất cả các yếu tố khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động giáo dục thì tác động tích cực của chuẩn thị trường đối với việc nâng cao chất lượng và hiệu quả là không đáng kể,

còn hệ quả tiêu cực của nó đối với tính công bằng xã hội trong giáo dục cũng không đáng quan ngại (6).

Trước tình hình phân kì về ý kiến và kết quả đánh giá chuẩn thị trường giáo dục, mới đây, tháng 5/2006, tổ chức OECD đã tổ chức cuộc họp chuyên gia dưới tiêu đề "Toàn cầu hoá, các lực lượng thị trường và tương lai giáo dục đại học". Các chuyên gia đã cùng nhau thảo luận nhằm trả lời câu hỏi: Các sức mạnh thị trường và chuẩn thị trường có tác động như thế nào lên giáo dục sau trung học? Liệu rồi đây, chúng có chiếm ưu thế như đã xảy ra trong một số lĩnh vực vốn thuộc khu vực cung ứng công cộng? Liệu các cơ sở giáo dục đại học có phải hoạt động hướng tới cầu ngày một nhiều hơn, do đó phải thay đổi cách dạy, công tác quản lí nội bộ cũng như các sứ mệnh cốt lõi của mình? Hiển nhiên, đây là các câu hỏi lớn, không dễ có câu trả lời thoả đáng và càng không thể có một đáp án thuyết phục. Tuy nhiên, các chuyên gia trong cuộc họp đã sơ bộ thống nhất một số kết luận ban đầu như sau(7):

* Mặc dù có nhiều lời tán dương về sức mạnh thị trường, nhưng thị trường và chuẩn thị trường trong giáo dục đại học hiện còn rất nhỏ bé.

* Sự gia tăng các nguồn lực tư nhân trong giáo dục đại học cần được coi như một sự chuyển dịch thực dụng về chính sách nhằm đáp ứng các ưu tiên xã hội khác, cụ thể là y tế.

* Trong khi một số đại biểu đánh giá thấp tác động toàn cầu hoá ở cấp trường thì các nguyên bộ trưởng giáo dục nhấn mạnh đó là vấn đề trung tâm của công tác hoạch định chính sách ngày nay.

4. Xây dựng thể chế chuẩn thị trường giáo dục Việt Nam

Sau khi vào WTO, bên cạnh hai đặc trưng cơ bản đã nói ở trên của giáo dục Việt Nam trong 20 năm đổi mới, giáo dục Việt Nam sẽ có thêm một đặc trưng mới: chuyển từ chuẩn độ c quyền giáo dục sang chuẩn thị trường giáo dục.

Bước chuyển này là tất yếu khi nước ta thực hiện các cam kết về tự do hoá thương mại dịch vụ giáo dục theo quy định của GATS. Nó cũng không đột ngột bởi lẽ trước khi vào WTO, như đã phân tích ở trên, chuẩn thị trường giáo dục đã hình thành một cách tự phát và nhỏ bé ở một số cấp học. Điểm khác biệt sẽ là sự phát triển mang tính tự giác của chuẩn thị trường và khả năng phát triển mạnh mẽ của nó ở giáo dục nghề

nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục người lớn và một số dịch vụ giáo dục khác. Nếu bước chuyển thành công, giáo dục Việt Nam sẽ bước vào một giai đoạn phát triển mới, tận dụng được các cơ hội của tiến trình hội nhập để tạo chuyển biến cơ bản về quy mô, chất lượng, hiệu quả trên con đường chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá.

Muốn vậy, điều quan trọng là sớm tiến hành các nghiên cứu cần thiết làm cơ sở cho việc xây dựng thể chế chuẩn thị trường, tức là hành lang pháp lý cho sự vận hành của chuẩn thị trường giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển giáo dục Việt Nam trong thời kì đất nước đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gắn với phát triển kinh tế tri thức. Đây là một công việc khó khăn vì chuẩn thị trường là vấn đề còn rất mới. Trên thế giới, lí luận và thực tế chuẩn thị trường cũng còn nhiều tranh cãi. Tuy nhiên, chính vì thế mà việc nghiên cứu càng trở nên bức thiết và đáng giá. Có rất nhiều vấn đề sẽ được đặt ra và công tác nghiên cứu phải trả lời. Trong phạm vi bài này, xin nêu lên trước mắt một số vấn đề sau đây:

Tổng kết thực tiễn: ở nước ta, trong những năm gần đây, ở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, dạy nghề, và phần nào ở giáo dục mầm non, trung cấp chuyên nghiệp, người học đã có nhiều cơ hội hơn trong việc lựa chọn trường học, đặc biệt ở khu vực thành thị. Vì thế đã hình thành cục diện cạnh tranh, tạo nên chuẩn thị trường, buộc các trường, dân lập, tư thục phải nâng cao chất lượng và tạo nên sự khác biệt nhằm thu hút người học. Cần những nghiên cứu sâu hơn về khu vực chuẩn thị trường này, động lực phát triển và các tác động khác nhau của nó đối với giáo dục nói chung, giáo dục công lập nói riêng.

Vai trò Nhà nước: Một trong những đặc trưng cơ bản của chuẩn thị trường là vai trò chủ đạo của Nhà nước trong cung ứng giáo dục. ở nước ta, điều này đã được quy định trong Luật Giáo dục. Thực tế, từ nhiều năm nay, Nhà nước đã dành ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục. Tuy nhiên, trong một chuẩn thị trường với sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà cung ứng giáo dục trong và ngoài nước, vì lợi nhuận và không vì lợi nhuận, cần xác định đúng đắn vai trò của Nhà nước trong mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội dân sự để bảo đảm rằng nhà trường vừa phát huy được lợi thế của cạnh tranh vừa thực hiện tốt sứ mệnh của mình theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục: Để phát huy lợi thế cạnh tranh, cần trao quyền tự chủ cho nhà trường. Luật Giáo dục 2005 là một bước tiến về thể chế trong việc quy định quyền tự chủ của trường học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Tuy nhiên cần chú ý rằng bản thân quyền tự chủ không tạo ra tình thế cạnh tranh nếu không có động lực buộc các trường phải cạnh tranh. Đây là một khía cạnh đáng lưu ý của chuẩn thị trường do trong chuẩn thị trường các trường công lập chiếm số đông; các trường này vốn sống dựa vào ngân sách nhà nước, ít năng động, không quen và cũng không cần cạnh tranh. Việc đưa cơ chế cạnh tranh vào trong khu vực giáo dục công lập đã và đang được nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới. Vấn đề đặt ra đối với chúng ta là những nghiên cứu bổ sung và sự vận dụng phù hợp.

Minh bạch và giải trình: Trong chuẩn thị trường giáo dục, người học là khách hàng. Sự lựa chọn của người học/ khách hàng là một cách đánh giá nhà trường: trường nào thu hút được nhiều người học, trường đó có chất lượng. Tuy nhiên việc chọn trường khác rất nhiều với việc chọn một sản phẩm tiêu dùng. Trước hết việc đánh giá để đi đến quyết định chọn trường phức tạp và khó khăn hơn nhiều so với việc chọn mua một sản phẩm thông thường. Tiếp nữa sai lầm trong việc chọn trường dẫn đến những phí tổn và thiệt hại đáng kể. Vì vậy, nhất thiết phải có hệ thống thông tin minh bạch và dễ tiếp cận để người học có cơ sở lựa chọn đúng đắn. Điều này một mặt gắn với vai trò Nhà nước trong việc xây dựng mạng thông tin, mặt khác là trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục trước các cơ quan nhà nước và trước xã hội về tình hình và kết quả hoạt động cụ thể của mình.

Cơ chế cạnh tranh: Có thể hiểu chuẩn thị trường giáo dục là thị trường cạnh tranh của các trường học (công lập và tư thục, vì lợi nhuận và không vì lợi nhuận, trong nước và nước ngoài) nhằm cung ứng giáo dục vì lợi ích của người học, của xã hội, của đất nước. Như thế cạnh tranh trong chuẩn thị trường giáo dục không là cạnh tranh hướng tới lợi nhuận tối đa như cạnh tranh doanh nghiệp. Có thể nói đây là cạnh tranh lành mạnh theo đúng nghĩa của nó, trong đó các trường vừa hợp tác vừa cạnh tranh để cùng nhau phát triển. Đây là đạo lí bên trong của chuẩn thị trường giáo dục. Tuy nhiên, vấn đề là làm thế nào chuyển đạo lí này thành hiện thực vì đây là chuyện

không dễ dàng. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, trong thực tế, chuẩn thị trường giáo dục không hẳn là cuộc chơi cùng thắng mà là cuộc chơi có tổng bằng không, tức là sự thành công của trường này kéo theo sự thất bại của trường khác.

Vai trò của xã hội dân sự. Thông thường, nhà trường trong chuẩn thị trường được xét trong quan hệ tác động của hai khu vực: nhà nước và thị trường. Thị trường tác động lên giá cả, chất lượng và hiệu quả đào tạo của các trường thông qua bàn tay vô hình là quan hệ cung cầu và cơ chế cạnh tranh. Nhà nước tác động lên các trường bằng bàn tay hữu hình là hệ thống luật pháp và chính sách, bảo đảm để các trường thực hiện đúng sứ mệnh theo định hướng phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Trong hai thập kỷ gần đây, với quá trình dân chủ hoá và làn sóng toàn cầu hoá, ở hầu hết mọi quốc gia và trên phạm vi toàn cầu, xã hội dân sự ngày càng có vai trò quan trọng với tư cách là đối tác của nhà nước và đối trọng của thị trường trong việc hoạch định, xây dựng và giám sát thực hiện chính sách trên các lĩnh vực kinh tế – xã hội. Vì vậy, ngày nay sự phát triển của giáo dục cần được xét trong quan hệ tác động của ba khu vực: nhà nước, thị trường và xã hội dân sự. Đối với một lĩnh vực mới và nhạy cảm là chuẩn thị trường giáo dục, vấn đề đặt ra là làm rõ vai trò tư vấn, phản biện xã hội và giám sát của xã hội dân sự để khắc phục tính quan liêu của chính quyền và sự thiếu cận của thị trường.

5. Kết luận

Chuẩn thị trường giáo dục Việt Nam có một điểm khác biệt cơ bản so với chuẩn thị trường giáo dục ở các nước trên thế giới. Đó là việc hình thành và phát triển của chuẩn thị trường giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế chưa từng có trong lịch sử. Vì vậy 20 năm đổi mới đất nước là 20 năm tìm tòi và sáng tạo để từng bước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tế sự thay đổi cơ bản và toàn diện của đất nước ta ngày nay đã chứng tỏ mô hình lựa chọn và giải pháp thực hiện là đúng đắn. Đại hội X của Đảng đã chỉ ra rằng "điều cần thiết trước hết là nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta". Và cần tiến hành đồng thời cả ba mặt: Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước; phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh; phát triển mạnh các thành phần kinh tế,

các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh.

Nếu coi chuẩn thị trường giáo dục Việt Nam về thực chất là thị trường giáo dục định hướng xã hội chủ nghĩa thì các bài học xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nguồn tri thức vô giá để ngành Giáo dục, các nhà hoạch định chính sách, các cán bộ nghiên cứu, các nhà giáo, các tổ chức và cá nhân có liên quan, sớm xây dựng thành công thể chế chuẩn thị trường giáo dục Việt Nam sau khi nước ta gia nhập WTO.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Le Grand, J. & Barlett, W. *Quasi-markets and Social Policy*, Macmillan, London, 1993
2. Narodowski, M. & Nores, M. *Searching for Neoliberal Education Policies: A Comparative Analysis of Argentina and Chile*, 2002
3. Ban công tác về việc gia nhập WTO của Việt Nam, Biểu CLX-Việt Nam, *Phần II: Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ*.
4. Tooley, J. Dixon, P. & Stanfield, J. *Delivering Better Education: Market solutions for educational improvement*, Adam Smith Institute, 2003.
5. *Introduction, School Choice and the Quasi-Market*, <http://www.symposium-books.co.uk/walford/school-choice/introduction.html>
6. Taylor, C. *The quality of Education in Britain: More Choice for Citizens*, Social Science Research Center, Berlin, 10/2001
7. CERI- *Summary report on meeting: "Globalisation, Market forces and the Future of higher education"*, http://www.oecd.org/documentprint/0,274,en_2649_35845581_36829563_1_1_1_1,...

SUMMARY

Under GATS commitments implementation, Vietnam education will have great change especially in the private sector with the commercial presence of many foreign educational institutions/providers. The competition environment will be established and developed. Education market will be shifted from spontaneous to conscious development with strong orientation of the State in order to ensure its quasi-market characteristics. However, until now, around the world, there is still debate about the nature and effects of the quasi-market introduced into education. It is therefore necessary to carry out investigation and scientific research concerning key issues related to quasi-market as well as those that are especially relevant to education policy so as to build institutions of Vietnam education quasi-market consistent with those of the socialist-oriented market economy.